

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÂN ĐO - LẦN I NĂM HỌC 2024 - 2025
Ngày 05/12/2024

STT	Khối	Lớp	Số trẻ	Số trẻ được cân đo		Cân nặng						Chiều cao						Cân nặng/chiều cao							
				SL	TL %	Bình thường		Cao hơn		Suy dinh dưỡng		Bình thường		Cao hơn		Thấp còi		Bình thường		Suy dinh dưỡng		Thừa cân		Béo phì	
						SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
1	Nhà trẻ	NT1	22	22	100.0	22	100.0	0	0.0	0	0.0	22	100.0		0.0		0.0	22	100.0	0	0.0		0.0	0	0.0
		NT2	23	23	100.0	23	100.0	0	0.0	0	0.0	23	100.0	0	0.0	0	0.0	23	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
	Tổng NT		45	45	100.0	45	200	0	0	0	0	45	100.0	0	0	0	0	45	100.0	0	0	0	0	0	0
2	Mẫu giáo																								
	3 Tuổi	3C1	30	30	100.0	30	100.0	0	0.0	0	0.0	30	100.0	0	0.0	0	0.0	30	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
		3C2	29	29	100.0	28	96.6	1	3.4	0	0.0	29	100.0	0	0.0	0	0.0	29	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
		3C3	29	29	100.0	29	100.0	0	0.0	0	0.0	27	93.1	0	0.0	2	6.9	29	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
		3C4	28	28	100.0	27	96.4		0.0	1	3.6	25	89.3	0	0.0	3	10.7	28	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
		TỔNG	116	116	100.0	114	98.3	1	0.9	1	0.9	111	95.7	0	0.0	5	4.3	116	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
	4 Tuổi	4B1	35	35	100.0	31	88.6	3	8.6	1	2.9	34	97.1	0	0.0	1	2.9	32	91.4	0	0.0	0	0.0	3	8.6
		4B2	35	35	100.0	32	91.4	2	5.7	1	2.9	34	97.1	0	0.0	1	2.9	32	91.4	0	0.0	1	2.9	2	5.7
		4B3	35	35	100.0	34	97.1	1	2.9	0	0.0	35	100.0	0	0.0	0	0.0	34	97.1	0	0.0	0	0.0	1	2.9
		4B4	35	35	100.0	34	97.1	1	2.9	0	0.0	35	100.0	0	0.0	0	0.0	34	97.1	0	0.0	1	2.9	0	0.0
		TỔNG	140	140	100.0	131	93.6	7	5.0	2	1.4	138	98.6	0	0.0	2	1.4	132	94.3	0	0.0	2	1.4	6	4.3
	5 Tuổi	5A1	40	40	100.0	37	92.5	2	5.0	1	2.5	39	97.5	0	0.0	1	2.5	37	92.5	0	0.0	2	5.0	1	2.5
		5A2	40	40	100.0	37	92.5	3	7.5	0	0.0	36	90.0	4	10.0	0	0.0	37	92.5	1	2.5	0	0.0	2	5.0
		5A3	40	40	100.0	39	97.5	1	2.5	0	0.0	40	100.0	0	0.0	0	0.0	38	95.0	0	0.0	1	2.5	1	2.5
		5A4	41	41	100.0	41	100.0	0	0.0	0	0.0	41	100.0	0	0.0	0	0.0	39	95.1	0	0.0	2	4.9	0	0.0
		TỔNG	161	161	100.0	154	95.7	6	3.7	1	0.6	156	96.9	4	2.5	1	0.6	151	93.8	1	0.6	5	3.1	4	2.5
	Tổng MG		417	417	100.0	399	95.7	14	3.4	4	1.0	405	97.1	4	1.0	8	1.9	399	95.7	1	0.2	7	1.7	10	2.4
	TỔNG TRƯỜNG		462	462	100.0	444	96.1	14	3.0	4	0.9	450	97.4	4	0.9	8	1.7	444	96.1	1	0.2	7	1.5	10	2.2
3	Lớp MN độc lập																								
	Ánh Sao	NT	15	15	100.0	15	100.0	0	0.0	0	0.0	15	100.0	0	0.0	0	0.0	15	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
		MG	18	18	100.0	18	100.0	0	0.0	0	0.0	18	100.0	0	0.0	0	0.0	18	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
		Tổng	33	33	100.0	33	100.0	0	0.0	0	0.0	33	100.0	0	0.0	0	0.0	33	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0

STT	Khối	Lớp	Số số	Số trẻ được cân đo		Cân nặng						Chiều cao						Cân nặng/chiều cao							
				SL	TL %	Bình thường		Cao hơn		Suy dinh dưỡng		Bình thường		Cao hơn		Thấp còi		Bình thường		Suy dinh dưỡng		Thừa cân		Béo phì	
						SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
	Sao Sáng	NT	19	19	100.0	19	100.0	0	0.0	0	0.0	17	89.5	0	0.0	2	10.5	18	94.7	1	5.3	0	0.0	0	0.0
		MG	20	20	100.0	19	95.0	1	5.0	0	0.0	19	95.0	0	0.0	1	5.0	18	90.0	1	5.0	0	0.0	1	5.0
		Tổng	39	39	100.0	38	97.4	1	2.6	0	0.0	36	92.3	0	0.0	3	7.7	36	92.3	2	5.1	0	0.0	1	2.6
	Sơn Ca	NT	15	15	100.0	15	100.0	0	0.0	0	0.0	15	100.0	0	0.0	0	0.0	15	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
		MG	32	32	100.0	32	100.0	0	0.0	0	0.0	32	100.0	0	0.0	0	0.0	31	96.9	0	0.0	0	0.0	1	3.1
		Tổng	47	47	100.0	47	100.0	0	0.0	0	0.0	47	100.0	0	0.0	0	0.0	46	97.9	0	0.0	0	0.0	1	2.1
Tổng cộng MNĐL			119	119	100.0	118	99.2	1	0.8	0	0.0	116	97.5	0	0.0	3	2.5	115	96.6	2	1.7	0	0.0	2	1.7
Tổng 2 loại hình			581	581	100.0	562	96.7	15	2.6	4	0.7	566	97.4	4	0.7	11	1.9	559	96.2	3	0.6	7	1.2	12	2.1

Hồng Thái, ngày 5 tháng 12 năm 2024
XÁC NHẬN CỦA NHÀ TRƯỜNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 17:00 ngày 05/12/2024
bởi Nguyễn Thị Hồng Lê (minh_lenth) – Trường mầm non Sơn Ca

